

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 11 - 2018

Về việc “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung.
2. Bà Đinh Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trạng - Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kim T, sinh năm 1992; “Có mặt”.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn An H, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1984; “Vắng mặt”.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn An H, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/9/2018; tại bản trình bày ngày 09/10/2018; tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/10/2018, nguyên đơn trình bày, yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18/9/2012.

Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống cùng gia đình anh T tại xóm 6, thôn An H, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng năm 2014 về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, không hòa hợp trong cuộc sống và sống không hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do anh T thường xuyên chơi cờ bạc, chị cố gắng nhắc nhở, khuyên nhủ nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Từ tháng 2 năm 2018, chị về nhà cha, mẹ đẻ của chị tại xóm 4, thôn An H, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng trong vụ án cho anh T nhưng anh T không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:

Trong cuộc sống, vợ chồng anh T, chị T thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, cuộc sống của anh T, chị T không có hạnh phúc. Từ tháng 2 năm 2018 đến nay anh T và chị T đã không còn sống chung với nhau, không còn yêu thương, chăm sóc và chia sẻ tình cảm vợ chồng với nhau.

Tại phiên tòa: Chị T trình bày vợ chồng chị không có con chung. Vợ, chồng chị đã chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả, do không có con chung nên đây là một trong những nguyên nhân khiến vợ, chồng chị không còn tình cảm, không gắn kết với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chị Võ Thị Kim T chấp hành theo đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thành T không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về án phí: Buộc chị T chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có

nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Anh T đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3]. Nội dung vụ án:

[3.1]. Về yêu cầu ly hôn: Chị Võ Thị Kim T, anh Nguyễn Thành T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị T, anh T không hoà hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã. Chị T, anh T hiện không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, phần ai nấy sống, không thể hiện được sự yêu thương, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải, tại phiên Tòa tiếp tục tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm giữa chị T và anh T nhưng anh T không đến Tòa án, chị T cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Hơn nữa, trong quá trình chung sống cùng nhau, chị T và anh T không có con chung. Với những tình tiết nêu trên, chứng tỏ mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T không đạt được, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn với anh T.

[3.2]. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Kim T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001306 ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Chị Võ Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/11/2018). Anh Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thanh Hòa